**GIỚI THIỆU THÔNG TIN**

* Ngày gửi bài: 28/2/2019
* Tên tác giả**: Nguyễn Thị Phương Thảo**
* Học hàm, học vị: Thạc sỹ
* Thông tin liên lạc (Địa chỉ, email, điện thoại):

Nơi công tác: Khoa HTTTKT, ĐHKT Huế

Địa chỉ e-mail: nguyenthiphuongthao@hce.edu.vn

Điện thoại liên lạc: 0935511599

* Tên bài viết: **Nghèo đa chiều của hộ gia đình Việt Nam: Minh họa qua cuộc khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam 2014, 2016**
* Lĩnh vực chuyên sâu: nghèo đói, di cư
* Số từ của bài viết: 9870

**NGHÈO ĐA CHIỀU CỦA HỘ GIA ĐÌNH VIỆT NAM: MINH HỌA QUA CUỘC KHẢO SÁT MỨC SỐNG HỘ GIA ĐÌNH VIỆT NAM 2014, 2016**

**Tóm tắt**

Bên cạnh cách tiếp cận đơn chiều dựa vào thu nhập (hay còn gọi là nghèo tiền tệ) thì nghèo còn được đánh giá dựa trên cách tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (nghèo phi tiền tệ/nghèo xã hội). Dựa vào phương pháp tính của Alkire và Foster (2007, 2011) và hướng dẫn của Bộ lao động thương binh xã hội (2015) về cách thức xây dựng các chiều, chỉ báo đo lường các chiều nghèo đa chiều để tính toán và phân tích nghèo đa chiều của hộ gia đình Việt Nam thông qua bộ dữ liệu Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam (VHLSS – Vietnam Household Living Standards Survey) do Tổng cục thống kê thực hiện năm 2014 và 2016. Kết quả phân tích từ bộ dữ liệu cho thấy tỷ lệ nghèo đa chiều của hộ gia đình Việt Nam qua 2 năm giảm đáng kể cả tỷ lệ lẫn độ sâu của nghèo (chỉ số nghèo đa chiều giảm từ 0.053 xuống còn 0.043). Tuy nhiên các nhóm yếu thế trong xã hội vẫn là đối tượng chủ yếu của nghèo đa chiều. Những hộ nghèo đơn chiều (nghèo thu nhập) là hộ dễ bị tổn thương nghèo đa chiều nhất. Kết quả cũng đặt ra cho các nhà làm chính sách cần có các biện pháp cải thiện hơn nữa trong đầu tư cơ sở hạ tầng để người dân được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản đặc biệt là giáo dục và điều kiện sống từ đó giảm nghèo đa chiều hơn nữa trong những năm tới.

**Từ khóa**

Nghèo đơn chiều, nghèo đa chiều, chỉ số nghèo đa chiều (MPI), tỷ số đếm đầu đa chiều (H), độ sâu của nghèo (A)

1. **Giới thiệu/đặt vấn đề**

Trong báo cáo cập nhật mới nhất về nghèo đói và thịnh vượng chung ở Việt Nam của Ngân hàng thế giới (WB, 2018), số người nghèo đã giảm từ 18 triệu người năm 2010 xuống còn 9 triệu người trong năm 2016, giảm một nửa số người nghèo chỉ hơn một nửa thập kỉ. Đời sống của người dân ngày càng được cải thiện với tỷ lệ dân số an toàn về kinh tế lên đến 70%, trong đó 13% thuộc tầng lớp trung lưu. Để có được những con số ấn tượng này, Chính phủ Việt Nam đã nỗ lực rất lớn trong phát triển và tăng trưởng kinh tế cũng như chăm lo đời sống cho nhân dân và từ đó thu nhập của người dân ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, các con số này mới chỉ sử dụng đo lường nghèo dựa vào thu nhập mà chưa đo lường dựa vào nghèo dựa trên cách tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

Cách tiếp cận phổ biến trước đây để đo lường nghèo đói là dựa vào thu nhập hoặc chi tiêu của cá nhân hay hộ gia đình. Nếu đo lường theo cách tiếp cận này mới chỉ là cách tiếp cận đơn chiều hay còn gọi với các thuật ngữ khác như nghèo đơn chiều/nghèo tiền tệ. Tuy nhiên, bên cạnh sử dụng thước đo nghèo tiền tệ để đo lường nghèo đói, để đo lường đầy đủ và chính xác mức độ và độ sâu của nghèo thì cách tiếp cận hiện nay đang được nhiều nước vận dụng đó là nghèo đa chiều (NĐC) hay còn gọi là nghèo do thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản/nghèo xã hội/nghèo phi tiền tệ. Vậy nghèo đa chiều được đo lường và tính toán như thế nào? Nghiên cứu này sẽ tổng hợp cách thức đo lường nghèo đa chiều hiện nay được thế giới và Việt Nam áp dụng. Đồng thời nghiên cứu minh họa việc đo lường các chiều nghèo cũng như chỉ số nghèo đa chiều tổng hợp (MPI – Multidimensional Poverty Index) qua phân tích bộ dữ liệu Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS – Vietnam Household Living Standards Survey hay còn gọi tắt là Khảo sát mức sống dân cư) năm 2014 và 2016.

Mục tiêu nghiên cứu là tính toán cũng như so sánh NĐC qua 2 năm theo một số đặc điểm để thấy được bức tranh nghèo theo cách tiếp cận đa chiều của hộ gia đình tại Việt Nam hiện nay theo phương pháp của Alkire và Foster (2007, 2011) (gọi tắt là phương pháp AF) và hướng dẫn của Bộ lao động thương binh xã hội trong “Đề án tổng thể chuyển đổi phương pháp đo lường nghèo từ đơn chiều dựa vào thu nhập sang nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020” được chính phủ phê duyệt vào năm 2015 theo Quyết định 59/QĐ-TTg cũng như dựa vào nguồn dữ liệu tiếp cận.

1. **Tổng quan lý thuyết**

Theo định nghĩa của Liên hợp quốc (2008, trích trong BLĐTBXH, 2015): “Nghèo là thiếu năng lực tối thiểu để tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội. Nghèo có nghĩa là không có đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không được đi khám bệnh, không có đất đai để trồng trọt hoặc không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân, không được tiếp cận tín dụng. Nghèo cũng có nghĩa là không an toàn, không có quyền, và bị loại trừ của các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng. Nghèo có nghĩa là dễ bị bạo hành, phải sống ngoài lề xã hội hoặc trong các điều kiện rủi ro, không được tiếp cận nước sạch và công trình vệ sinh an toàn”. Tại Hội nghị về chống nghèo đói do Uỷ ban Kinh tế Xã hội Khu vực Châu Á- Thái Bình Dương (ESCAP) tại Bangkok, Thái Lan vào tháng 9 năm 1993, các quốc gia trong khu vực đã thống nhất cao rằng: “Nghèo khổ là tình trạng một bộ phận dân cư không có khả năng thoả mãn những nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu ấy phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế xã hội, phong tục tập quán của từng vùng và những phong tục ấy được xã hội thừa nhận.”

Theo Amartya Kumar Sen, nhà Kinh tế học Ấn Độ (đoạt giải Nobel Kinh tế): để tồn tại, con người cần có những nhu cầu vật chất và tinh thần tối thiểu; dưới mức tối thiểu này, con người sẽ bị coi là đang sống trong nghèo nàn.

Các khái niệm trên cho thấy sự thống nhất cao của các quốc gia, các tổ chức quốc tế cho rằng nghèo là một hiện tượng đa chiều, tình trạng nghèo cần được nhìn nhận là sự thiếu hụt/ không được thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người. Vì vậy, *nghèo đa chiều có thể được hiểu là tình trạng con người không được đáp ứng ở mức tối thiểu một số nhu cầu cơ bản trong cuộc sống*.

Để đo lường nghèo đói, thước đo phổ biến nhất là dựa trên chiều tiền tệ (dựa vào thu nhập hoặc chi tiêu). Tuy nhiên, thước đo này không đo lường được đầy đủ các khía cạnh của nghèo đói, cũng như độ sâu của nghèo đói nhất là tại “khu vực thành thị có khả năng xóa được nghèo đói về vật chất mà mối quan tâm sẽ ngày càng tăng lên đối với mức độ và tính bình đẳng trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục, y tế, nhà ở, v.v…), tiếp cận cơ hội việc làm, tham gia hệ thống an sinh xã hội, tham gia các hoạt động xã hội, v.v…” (UNDP 2010a). Nghèo không chỉ ở khía cạnh về vật chất mà còn rất nhiều khía cạnh khác hay nói cách khác “nghèo là hiện tượng xã hội đa chiều” (Narayan và cộng sự, 2000). Vì vậy rất nhiều nghiên cứu đã phát triển thước đo khác bổ sung cho thước đo nghèo theo cách tiếp cận đơn chiều này.

Rất nhiều nghiên cứu dựa trên cách tiếp cận khác nhau đã xây dựng cách thức đo lường nghèo đa chiều. Mỗi phương pháp, mỗi cách tiếp cận có những ưu, nhược điểm riêng khi sử dụng. Dưới đây sẽ điểm qua một vài nghiên cứu tiêu biểu xác định thước đo đo lường nghèo đói trên cách tiếp cận đa chiều.

Theo khía cạnh này, nghèo bao gồm nghèo tuyệt đối và nghèo tương đối. Thước đo đo lường nghèo tuyệt đối được UN (2010) sử dụng gồm Chỉ số phát triển con người (HDI – Human development index) và đường nghèo (hay ngưỡng nghèo) gồm đường nghèo thực phẩm, phi thực phẩm và đường nghèo quốc gia. Thước đo đo lường nghèo tương đối dựa vào đường cong Lorenz.

Theo Amartya Sen (1997) nghèo còn được đo lường thông qua chỉ số nghèo đói con người (HPI – Human poverty index) là chỉ báo đo lường mức sống của mỗi quốc gia. Theo đó ông đã xây dựng các chỉ báo trong HPI dành cho các nước đang phát triển (HPI-1) và các nước phát triển (HPI-2). Trong đó HPI – 1 bao gồm tuổi thọ (tỷ lệ dân số không kỳ vọng sống qua tuổi 40), kiến thức (tỷ lệ người lớn biết đọc biết viết), cuộc sống đầy đủ (tỷ lệ người dân không tiếp cận được nước sạch và tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi thiếu cân). HPI-2 được thiết kế bao gồm: tuổi thọ (tỷ lệ dân số không kỳ vọng sống quá 60 tuổi), kiến thức (tỷ lệ người lớn biết đọc biết viết), cuộc sống đầy đủ (tỷ lệ phần trăm dân số sống dưới mức nghèo khổ, và loại trừ xã hội được đo bằng tỷ lệ thất nghiệp dài hạn). Chỉ số này cùng với Chỉ số phát triển con người đã được UN trình bày trong các báo cáo phát triển con người hàng năm.

Narayan và cộng sự (2000) trong báo cáo “*Voices of the Poor”* đã đưa ra 4 chiều của nghèo đói đó là lợi ích vật chất bao gồm thực phẩm an toàn và việc làm, lợi ích tâm lý gồm sự tuyệt vọng và sự xấu hổ, cơ sở hạ tầng cung cấp bởi nhà nước hoặc dịch vụ công bao gồm phương tiện vận tải và cung cấp nước, tài sản của người nghèo bao gồm vốn vật chất (đất đai và đồ dùng vật chất), vốn con người (chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo và sức lao động), vốn xã hội (mức độ và bản chất của các mạng lưới xã hội như mạng lưới những người thân, hàng xóm, các hiệp hội) và tài sản môi trường

 Nghiên cứu của Asselin và cộng sự (2009) đã đề xuất các thang đo đo lường nghèo đa chiều kết hợp với một số chỉ báo kinh tế xã hội gồm 10 chiều với 45 chỉ báo. Các chiều đề xuất bao gồm thu nhập, giáo dục, y tế, dinh dưỡng/thức ăn, nước sạch/vệ sinh, lao động/việc làm, nhà ở/môi trường, tiếp cận tài sản sản xuất, tiếp cận thị trường, tham gia xã hội/an toàn xã hội. Như vậy, ông đã kết hợp cả nghèo đói theo chiều tiền tệ với các khía cạnh nghèo đói theo cách tiếp cận đơn chiều đồng thời thước đo được thiết kế chi tiết với rất nhiều chiều và nhiều chỉ báo phản ánh đầy đủ các khía cạnh đời sống của con người. Tuy nhiên, số lượng chiều cũng như chỉ báo đề xuất quá nhiều vì vậy khi vận dụng vào nghiên cứu thực nghiệm rất khó thực hiện. Cũng trong nghiên cứu này các tác giả đã thực nghiệm đo lường nghèo đa chiều tại nhiều quốc gia khác nhau. Theo Jean Bosco Ki, Salimata Faye và Bocar Faye trích trong nghiên cứu này đã nghiên cứu thực nghiệm đo lường nghèo đa chiều của các hộ gia đình tại Senegal với 7 chiều và 21 chỉ báo tương ứng với các chiều bao gồm giáo dục, y tế, nước sạch, dinh dưỡng, nhà ở và điều kiện vệ sinh, năng lượng, thông tin liên lạc và hàng hóa tiện nghi. Theo Louis-Marie Asselin, Vu Tuan Anh trích trong nghiên cứu này đo đo lường thực nghiệm nghèo đa chiều ở cấp quốc gia tại Việt Nam giai đoạn 1993 – 2002 bằng phương pháp MCA. Kết quả nghiên cứu cho thấy nghèo đa chiều được đo bởi các chiều giáo dục, y tế, việc làm, nước sạch, vệ sinh, nhà ở, tài sản.

Một trong những nghiên cứu quan trọng hiện đang được Liên hợp quốc cũng như nhiều nước trên thế giới áp dụng để tính toán, đo lường nghèo đa chiều được Liên hợp quốc sử dụng tính toán chính thức lần đầu tiên trong “Báo cáo phát triển con người năm 2010” (UNDP, 2011) do Alkire (2007) và Alkire and Foster (2011) xây dựng. Phương pháp đo lường này có rất nhiều ưu điểm nổi trội.

Phương pháp này tổng hợp các thông tin thiếu hụt của nhiều chiều trọng số tổng hợp, do đó nó có các lợi thế của cách tiếp cận này. Nó cho phép một xếp hạng đơn nhất các quốc gia, các vùng hay các hộ/cá nhân, mặc dù xếp hạng dựa trên từng chiều có thể khác nhau. Đồng thời, có thể so sánh giữa các thời điểm khác nhau. Đây là các đặc tính quan trọng để xác định ưu tiên về mặt chính sách cho các cá nhân/hộ hay các vùng và nó cho phép theo dõi vấn đề nghèo theo thời gian cũng như đánh giá tác động về mặt chính sách. Thực tế, đây là “các tính chất cần có của các chỉ số đo lường nghèo có tính kỹ thuật” (BLĐTBXH, 2015)

Phương pháp của Alkire và Foster (2007, 2011) sử dụng 3 chiều bao gồm: giáo dục, y tế và mức sống với trọng số từng chiều như nhau thông qua 10 chỉ báo. Trong đó giáo dục và y tế mỗi chiều được đo bằng 2 chỉ báo (giáo dục với chỉ báo số năm đi học của người lớn, tình trạng đi học của trẻ em); y tế với chỉ báo tử vong trẻ em và tình trạng dinh dưỡng) trong khi mức sống được đo bằng 6 chỉ báo (bao gồm: tiếp cận điện năng, nước uống hợp vệ sinh, điều kiện vệ sinh, sàn nhà, nhiên liệu nấu ăn, sở hữu tài sản) (UNDP, 2010). Dựa trên cách tiếp cận này, nhiều nghiên cứu cũng đã xây dựng và phát triển các thang đo lường nghèo đa chiều. Đây cùng là phương pháp đo lường được nhiều nước sử dụng làm tiêu chuẩn để xây dựng thước đo nghèo đa chiều riêng cho từng nước trong đó có Việt Nam.

Tại Việt Nam, Bộ lao động thương binh xã hội (2015) cũng đã đề xuất cách thức đo lường nghèo đa chiều áp dụng tại Việt Nam trong giai đoạn 2016 -2020 dựa trên cách tiếp cận theo phương pháp của Alkire and Foster (2007, 2011) bao gồm 5 chiều với 10 chỉ báo: giáo dục (bao gồm 2 chỉ báo trình độ giáo dục của người lớn và tình trạng đi học của trẻ em), y tế (với 2 chỉ báo bao gồm tiếp cận các dịch vụ y tế và bảo hiểm y tế), nhà, điều kiện sống, tiếp cận thông tin. Tuy nhiên so với phương pháp AF số chiều thì lớn hơn và nội hàm của một số chiều cũng khác biệt, nhưng vẫn theo nguyên tắc trọng số của mỗi chiều được xác định như nhau và mỗi chỉ báo nếu thiếu hụt điểm số thiếu hụt là 10 điểm. Tổng điểm thiếu hụt đa chiều lớn nhất là 100 và một hộ/người được xác định là nghèo đa chiều khi thiếu hụt ít nhất 1/3 tổng số điểm (tức có điểm số thiếu hụt từ 33.333 điểm trở lên).

Về cơ bản, các nghiên cứu đều thống nhất chiều giáo dục và y tế luôn đóng vai trò quan trọng trong thước đo đo lường nghèo đa chiều. Tuy nhiên, số lượng và nội dung các chỉ báo để đo lường các chiều này lại khác nhau từng quan điểm và mức độ sẵn có của dữ liệu. Các chiều đóng vai trò như nhau trong đo lường nghèo đa chiều vì vậy trọng số mỗi chiều được thiết kế là ngang bằng nhau tuy nhiên ngưỡng nghèo đa chiều có thể khác nhau tùy theo quan điểm của từng nhà nghiên cứu, từng quốc gia. Đa phần các nghiên cứu đồng ý với quan điểm rằng nghèo đa chiều chỉ bao gồm các chiều xã hội không bao gồm chiều thu nhập và là một thước đo bổ sung cho nghèo đơn chiều. Tuy nhiên, một số nghiên cứu đã xây dựng thước đo đo lường nghèo đa chiều nhờ sự kết hợp chiều nghèo theo thu nhập và các chiều nghèo xã hội (UNDP 2010). Xác định chính xác các chiều và chỉ báo của các chiều luôn là nhiệm vụ quan trọng và khó khăn của người nghiên cứu để đo lường chính xác cái cần đo. Việc lựa chọn các chiều và chỉ báo phù hợp thể hiện các chiều thiếu hụt phụ thuộc vào mục đích và đối tượng đánh giá.

1. **Xác định chiều và chỉ báo đo lường các chiều trong nghèo đa chiều sử dụng trong nghiên cứu**

Nghiên cứu này sẽ dựa trên cách tiếp cận của Alkire và Foster (2007, 2011) về phương pháp tính chỉ số nghèo đa chiều (MPI) cũng như trọng số của từng chiều và của từng chỉ báo. Đồng thời nghiên cứu tiếp cận tài liệu hướng dẫn của Bộ lao động thương binh xã hội trong “Đề án tổng thể chuyển đổi phương pháp đo lường nghèo từ đơn chiều dựa vào thu nhập sang nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020” năm 2015 để xác định các chiều và chỉ báo đo lường các chiều nghèo đa chiều. Đồng thời dựa trên bộ dữ liệu tiếp cận được để lựa chọn chỉ báo đo lường các chiều nghèo. Các chiều, chỉ báo đo lường các chiều cũng như trọng số của mỗi chiều được sử dụng trong nghiên cứu này được tổng hợp trong bảng 1.

**Bảng 1: Các chiều và chỉ báo của các chiều sử dụng đo lường NĐC cho hộ gia đình tại Việt Nam**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chiều** | **Chỉ báo từng chiều** | **Thiếu hụt nếu** | **Trọng số chỉ báo** | **Trọng số từng chiều** |
| 1 | **D1**Giáo dục | **CB1** Trình độ giáo dục của người lớn | Hộ có bất kì thành viên nào đủ 15 tuổi chưa bao giờ đi học hoặc hiện nay không còn đi học và không có bằng tốt nghiệp THCS hoặc không có bằng nghề  | 0.1 | 0.2 |
| **CB2**Tình trạng đi học của trẻ em | Hộ gia đình có bất kì thành viên nào trong độ tuổi 5 -14 chưa bao giờ đi học hoặc hiện không còn đi học  | 0.1 |
| 2 | **D2**Y tế | **CB3**Tiếp cận dịch vụ y tế | Những hộ gia đình có bất kì thành viên nào trong 12 tháng qua có đi khám chữa bệnh ít nhất một lần trong đó không đủ hoặc thiếu tiền chi trả để khám/chữa bệnh | 0.1 | 0.2 |
| **CB4** Tiếp cận BHYT | Hộ có bất kì thành viên nào từ 6 tuổi trở lên không có BHYT  | 0.1 |
| 3 | **D3**Nhà ở | **CB5** Chất lượng nhà ở | Nhà của hộ thuộc loại nhà tạm/nhà thiếu kiên cố/nhà đơn sơ  | 0.1 | 0.2 |
| **CB6:** Diện tích nhà bình quân đầu người | Diện tích nhà ở bình quân đầu người dưới 8m2 | 0.1 |
| 4 | **D4** Điều kiện sống | **CB7:** Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh | Nguồn nước hợp vệ sinh bao gồm: nước máy vào nhà, nước máy công cộng, giếng khoan/giếng đào được bảo vệ, nước khe mó được bảo vệ, nước mưa, nước mua. Nếu không thuộc các nguồn này thì hộ được coi là thiếu hụt | 0.1 | 0.2 |
| **CB8** Hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh  | Hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh gồm tự hoại, bán tự hoại, cải tiến có ống thông hơi, hai ngăn. Nếu hố xí/nhà tiêu của hộ không thuộc những loại trên thì được coi là thiếu hụt | 0.1 |
| 5 | **D5**Tiếp cận thông tin | **CB9** Sử dụng dịch vụ viễn thông  | Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng điện thoại (cố định/di động) và Internet  | 0.1 | 0.2 |
| **CB10** Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin | Hộ gia đình không có tài sản nào trong số các tài sản được liệt kê sau đây: tivi (màu/đen trắng), radio, máy tính (PC, laptop, tablet) | 0.1 |

*(Nguồn: Bộ lao động thương binh xã hội, 2015 và Alkire and Foster, 2007, 2011)*

Như vậy, NĐC được đo lường bởi 5 chiều với 10 chỉ báo. Trọng số của mỗi chỉ báo và mỗi chiều là như nhau với mỗi chỉ báo có trọng số là 0.1 và mỗi chiều có trọng số là 0.2. Điểm số thiếu hụt lớn nhất là 1.

1. **Phương pháp tính toán chỉ số nghèo đa chiều theo Alkire and Foster**

Phương pháp Alkire – Foster được áp dụng tính toán lần đầu tiên trong Báo cáo phát triển con người do Liên hợp quốc thực hiện vào năm 2010 và đến nay đã trở thành phương pháp thu hút sự chú ý lớn của quốc tế. Hiện phương pháp này được Tổ chức sáng kiến nghèo và phát triển con người của Oxford (OPHI – Oxford Poverty and Human Development Initiative) sử dụng tính toán nghèo đa chiều cho 105 quốc gia trong đó có Việt Nam (OPHI, 2018). Đây là một công cụ đơn giản để đo lường và xếp hạng nghèo đa chiều.

Các bước thực hiện tính toán chỉ số nghèo đa chiều (MPI – Multidimensional poverty index) theo phương pháp này bao gồm:

* *Bước 1:* lựa chọn nguồn dữ liệu dùng để phân tích
* *Bước 2:* Lựa chọn đơn vị phân tích (cá nhân hay hộ gia đình). Trong nghiên cứu này đơn vị phân tích được lựa chọn là hộ gia đình do thông tin của cá nhân không đầy đủ để phân tích, tính toán nghèo đa chiều.
* *Bước 3:* Lựa chọn các chiều và các chỉ báo của các chiều. Trong nghiên cứu này, nghèo đa chiều cho người di cư được đo lường thông qua 7 chiều với 16 chỉ báo như đã phân tích ở trên.
* *Bước 4:* Lựa chọn ngưỡng thiếu hụt của các chỉ báo (kí hiệu là zi). Chính vì thế một cá nhân hoặc hộ gia đình i được xem là thiếu hụt nếu ở một chỉ báo xi nào đó nằm dưới ngưỡng hay xi > zi.
* *Bước 5:* Lựa chọn trọng số cho mỗi chỉ báo. Mỗi chiều có trọng số như nhau được đo lường bởi các chỉ báo thành phần kí hiệu là Ii. Xác định trọng số cho từng chỉ báo thành phần là bước tiếp theo của phương pháp này. Trọng số của các chỉ báo được xác định là ngang bằng nhau trong mỗi chiều và được kí hiệu là wi (trọng số của chỉ báo d) với $\sum\_{i=1}^{d}w\_{i}=1$ (d là số chỉ báo).
* *Bước 6:* Lựa chọn ngưỡng nghèo (để xác định người nghèo). Điểm số thiếu hụt của mỗi cá nhân (hoặc hộ gia đình) nằm giữa 0 và 1. Điểm số gia tăng thì số lượng thiếu hụt cũng gia tăng và đạt đến giá trị tối đa là 1 nếu hộ đó thiếu hụt tất cả các chỉ báo (ci = 1). Một hộ không thiếu hụt chỉ báo nào thì điểm thiếu hụt bằng 0 (ci=0). Công thức tính điểm thiếu hụt của hộ i:

(1)

Giá trị của trọng số phụ thuộc và số chiều và số chỉ báo thành phần của mỗi chiều. Nếu hộ được xác định là thiếu hụt ở chỉ báo d thì Ii = 1 và Ii =0 nếu hộ không thiếu hụt ở chỉ báo d.

Để ước lượng tỷ lệ nghèo thì cần xác định được ngưỡng nghèo kí hiệu k. Một hộ được xác định là nghèo nếu điểm số nghèo là cao hơn ngưỡng nghèo hay ci ≥ k. Theo phương pháp Alkire and Foster (2007, 2011) sử dụng ngưỡng 1/3 nghĩa là một hộ được xác định là nghèo đa chiều khi điểm số thiếu hụt lớn hơn hoặc bằng 1/3 (0.333). Chú ý rằng, khi ci ≥ k thì ci (k) = ci, nhưng nếu ci < k thì ci (k) = 0 với ci (k) là điểm số thiếu hụt của người nghèo.

*Bước 7:* tính toán chỉ số nghèo đa chiều hay còn gọi là chỉ số đếm đầu điều chỉnh (Adjusted Headcount Ratio)

MPI là sự kết hợp của hai mảnh ghép thông tin:

* Tỷ lệ dân số/hộ thiếu hụt (nghèo) đa chiều hay còn gọi là tỷ lệ đếm đầu đa chiều (Multidimensional Headcount Ratio, kí hiệu là H, còn gọi tắt là tỷ lệ đếm đầu) được tính bằng:

H = q/n

Với q là số người/hộ nghèo đa chiều và n là quy mô dân số/tổng số hộ. Giá trị này cho biết có bao nhiêu người/hộ trong tổng số người/hộ điều tra được xác định là nghèo đa chiều. Tuy nhiên, H không phản ánh mức độ hay độ sâu của thiếu hụt của hộ nghèo. Người/hộ nghèo thiếu hụt trong tất cả các chiều hay thiếu hụt 1/k chiều đều là người/hộ nghèo.

* Độ sâu của thiếu hụt (nghèo) đa chiều (Intensity of poverty – kí hiệu là A và tính bằng đơn vị): chính là trung bình tỷ lệ thiếu hụt đã được gia trọng. Giá trị này cho biết những người/hộ nghèo đa chiều bị thiếu hụt trung bình bao nhiêu % số chỉ báo được gia trọng và được tính theo công thức:



Với ci(k) là điểm số thiếu hụt của cá nhân/hộ i và q là số người/số hộ nghèo đa chiều.

Khi đó: MPI = H\*A

Giá trị này cho biết, tỷ lệ người/hộ nghèo đa chiều sau khi đã điều chỉnh theo độ sâu của nghèo. MPI càng cao thì mức độ nghèo đa chiều càng tăng. MPI không chỉ phản ánh tỷ lệ mà còn phản ánh độ sâu của nghèo đói. Thông tin về MPI thể hiện rằng ai là người/hộ nghèo và họ nghèo như thế nào.

Trong nghiên cứu này, sử dụng 5 chiều với 10 chỉ báo đo lường nghèo đa chiều như đã đề cập ở trên. Trọng số mỗi chiều là ngang bằng nhau (bằng 1/5 hay 0.2) và trọng số của mỗi chỉ báo cũng ngang bằng nhau (bằng 1/10 hay 0.1) như ở bảng 1. Một hộ được coi là nghèo đa chiều khi điểm số thiếu hụt của hộ đó lớn hơn hoặc bằng 1/3 tổng điểm thiếu hụt đa chiều (hay có điểm số thiếu hụt từ 0.333 điểm trở lên). Sử các chiều và chỉ báo các chiều cũng như phương pháp tính MPI cho kết quả trong phần tiếp theo.

1. **Nghèo đa chiều của hộ gia đình Việt Nam qua cuộc khảo sát mức sống dân cư 2014 và 2016**
	1. ***Giới thiệu về Bộ dữ liệu Khảo sát mức sống dân cư (VHLSS)***

Bộ dữ liệu này do Tổng cục thống kê thực hiện 2 năm một lần gần đây nhất là cuộc khảo sát được tiến hành vào năm 2018 với rất nhiều khía cạnh thông tin của hộ gia đình được thu thập tại 63 tỉnh/thành phố của Việt Nam. Mục đích của cuộc khảo sát này nhằm theo dõi và giám sát một cách có hệ thống mức sống các tầng lớp dân cư Việt Nam; giám sát, đánh giá việc thực hiện Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo; góp phần đánh giá kếtquả thực hiện các Mục tiêu thiên niên kỷ (MDGs) và phát triển bền vững (SDGs) và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Bộ này gồm 2 mẫu: Mẫu 1 là thu nhập và chi tiêu (gồm 9399 hộ); mẫu 2 là mẫu sử dụng để thu thập thông tin như mẫu 1 đồng thời thu thập thêm thông tin phục vụ tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng(gồm 37.596 hộ). Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng mẫu thu nhập và chi tiêu (mẫu 9399 hộ với 36081 người được thu thập thông tin) để tính toán và phân tích chỉ số NĐC cho các hộ gia đình Việt Nam.

* 1. ***Một số kết quả trong tính toán và phân tích nghèo đa chiều cho hộ gia đình tại Việt Nam***

*Tỷ lệ dân số nghèo theo các chuẩn nghèo tại Việt Nam*

**Bảng 2: Tình trạng nghèo của dân số theo các chuẩn nghèo** (Đơn vị tính:%)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tình trạng nghèo | Nghèo đa chiều | Nghèo thu nhập | Nghèo chi tiêu |
| ***2014*** | ***2016*** | ***2014*** | ***2016*** | ***2014*** | ***2016*** |
| Không nghèo | 89.79 | 90.95 | 91.60 | 94.20 | 82.50 | 80.20 |
| Nghèo | 10.21 | 9.05 | 8.40 | 5.80 | 13.50 | 9.80 |

*(Nguồn: Tính toán của tác giả về nghèo đa chiều từ VHLSS 2014, 2016 và tổng hợp theo*

 *GSO (2014, 2016))*

Ghi chú:

Nghèo thu nhập được tính theo thu nhập bình quân/người/tháng theo chuẩn nghèo của Chính phủ đã điều chỉnh chỉ số giá tiêu dùng (CPI) là 750 nghìn đồng cho khu vực thành thị và 605 nghìn đồng cho khu vực nông thôn năm 2014; con số này cho năm 2016 lần lượt là 780 nghìn đồng và 630 nghìn đồng [TCTK, 2018]. Trong khi đó, chuẩn nghèo chi tiêu của TCTK (GSO)và NHTG (WB) hay còn gọi là chuẩn nghèo chung là chuẩn nghèo được tính theo chi tiêu bình quân/người/tháng và chuẩn nghèo chung của Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Thế giới với mức chi tiêu bình quân/người/tháng năm 2014 là 964 nghìn đồng và năm 2016 là 969 nghìn đồng

Như vậy tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của dân số Việt Nam qua 2 năm giảm đáng kể từ 10.21% năm 2014 xuống còn 9.01% năm 2016 và tỷ lệ này thấp hơn so với tỷ lệ nghèo tính theo chuẩn nghèo chi tiêu nhưng cao hơn so với tỷ lệ nghèo tính theo chuẩn nghèo thu nhập. Tuy nhiên so sánh với mức giảm nghèo theo chuẩn nghèo thu thập và chuẩn nghèo chi tiêu thì mức giảm này còn khá chậm. Điều này được giải thích bởi Việt Nam trong những năm qua với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế khá tốt nên đã cải thiện được mức thu nhập từ đó đẩy mạnh người dân tiêu dùng dẫn đến giảm nghèo theo thu nhập và chi tiêu giảm rõ rệt. Tuy nhiên, sự cải thiện trong điều kiện tiếp cận các dịch vụ cơ bản còn một số hạn chế nhất định

*Tỷ lệ nghèo theo các ngưỡng cắt*

**Bảng 3: Tỷ lệ nghèo của hộ gia đình theo các ngưỡng cắt**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngưỡng cắt (k)** | **Năm 2014** | **Năm 2016** |
| **H (%)** | **A (%)** | **MPI[[1]](#footnote-1)** | **H (%)** | **A(%)** | **MPI** |
|  1/2 | 4.3 | 53.7 | 0.023 | 3.7 | 53.5 | 0.020 |
|  1/3 | 11.83 | 44.5 | 0.053 | 9.5 | 44.4 | 0.043 |
|  1/4 | 27 | 36.6 | 0.099 | 22.2 | 36.5 | 0.081 |
|  1/5 | 57.8 | 27.8 | 0.160 | 49.4 | 27.4 | 0.135 |

*(Nguồn: Tính toán của tác giả từ bộ dữ liệu VHLSS 2014 và 2016)*

Một trong những điểm đáng chú ý của đo lường nghèo đa chiều ứng dụng
phương pháp của Alkire - Foster (2007, 2011) là có hai ngưỡng cắt khác nhau. Ngưỡng cắt đầu tiên là ngưỡng cắt theo chỉ báo nghèo để xác định khi nào một hộ gia đình hay cá nhân được coi là thiếu hụt chỉ báo đó. Ngưỡng cắt thứ hai là ngưỡng cắt theo tổng điểm thiếu hụt (k) nhằm để xác định xem hộ gia đình hay cá nhân có được coi là cá nhân hay hộ nghèo đa chiều hay không. Ở ngưỡng cắt k thì người ta thường xem xét ở nhiều ngưỡng khác nhau (1/2; 1/3; 1/4; 1/5 tổng số điểm thiếu hụt tương ứng với 0.5, 0.333, 0.25 và 0.2 điểm) nhằm xem tỷ lệ nghèo đa chiều đếm đầu (H), độ sâu của nghèo (A), chỉ số nghèo đa chiều (MPI) ở các ngưỡng cắt này là bao nhiêu để các nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách lựa chọn k phù hợp nhất cho quốc gia. Kết quả ở bảng trên cho thấy tình trạng nghèo đa chiều của Việt Nam qua các ngưỡng cắt k khác nhau, với k = 1/5 thì tỷ lệ nghèo đa chiều là 57.8% với độ sâu nghèo là 27.8% và chỉ số nghèo đa chiều là 0.16 ở năm 2014. Các giá trị này giảm đáng kể vào năm 2016. Nếu chọn ngưỡng cắt là 1/2 thì tỷ lệ nghèo đa chiều chỉ còn là 4.3% nhưng độ sâu của nghèo là 53.7% và chỉ số nghèo đa chiều ở mức 0.023 vào năm 2014 thấp hơn nhiều so với k=1/5. Tình trạng này không được cải thiện vào năm 2016. Ngưỡng cắt phổ biến mà các quốc gia áp dụng cũng như theo khuyến nghị của Alkire và Foster (2007, 2011) và của tổ chức OPHI là k=1/3 để phân tích và đánh giá nghèo đa chiều. Vì vậy, trong các phân tích tác giả sẽ lựa chọn ngưỡng cắt này để đánh giá tình trạng nghèo đa chiều ở Việt Nam. Theo ngưỡng cắt này tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (H) là 11.83% với trung bình hộ nghèo đa chiều thiếu hụt 44.5% số chỉ báo, chỉ số nghèo đa chiều (hay còn gọi là tỷ lệ nghèo đa chiều điều chỉnh) là 0.053 hay nói cách khác tỷ lệ nghèo đa chiều ở Việt Nam năm 2014 là 5.3% trong khi năm 2016 chỉ là 4.3%. Với giá trị MPI như vây, Việt Nam được xếp là nước có chỉ số nghèo đa chiều ở mức thấp[[2]](#footnote-2) (Alkire, S. and Santos, M. E., 2013)

*Hình 1: Chỉ số nghèo đa chiều theo ngưỡng điểm thiếu hụt*

*Đặc điểm nghèo đa chiều của hộ gia đình Việt Nam*

**Bảng 4: Nghèo đa chiều của hộ gia đình theo một số đặc điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** |  | **2014** |  |  | **2016** |  |
| **H (%)** | **A (%)** | **MPI** | **H (%)** | **A (%)** | **MPI** |
|  | *Theo vùng* |
| Đồng bằng sông Hồng | 1.6 | 44.1 | 0.007 | 1.6 | 42.2 | 0.007 |
| Trung du và miền núi phía Bắc | 21.1 | 46.6 | 0.098 | 17.3 | 46.4 | 0.080 |
| Bắc Trung Bộ và duyên hải NTB | 8.4 | 44.1 | 0.037 | 6.9 | 45 | 0.031 |
| Tây Nguyên | 21.2 | 45.4 | 0.096 | 18.6 | 47 | 0.087 |
| Đông Nam Bộ | 4.1 | 42.6 | 0.017 | 3.2 | 44.2 | 0.014 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 19.5 | 44.1 | 0.086 | 14.4 | 43.7 | 0.063 |
|  | *Theo khu vực* |
| Nông thôn | 15.4 | 45.1 | 0.069 | 12.4 | 45.4 | 0.056 |
| Thành thị | 3.6 | 44 | 0.016 | 2.8 | 42.5 | 0.012 |
|  | *Theo dân tộc của chủ hộ* |
| Kinh/Hoa | 7.4 | 43.6 | 0.032 | 5.5 | 43.6 | 0.024 |
| Khác | 34.2 | 46.5 | 0.159 | 29 | 46.6 | 0.135 |
|  | *Theo giới tính chủ hộ* |
| Nữ | 10.1 | 43.8 | 0.044 | 9.5 | 45 | 0.043 |
| Nam | 12.5 | 45.3 | 0.056 | 9.5 | 45.2 | 0.043 |
|  | *Theo trình độ học vấn chủ hộ* |
| Không bằng cấp | 26.7 | 45.7 | 0.122 | 21.7 | 45.7 | 0.099 |
| Tiểu học | 14.7 | 44.1 | 0.065 | 11.9 | 44.7 | 0.053 |
| THCS | 4.5 | 43.8 | 0.020 | 3.6 | 44.3 | 0.016 |
| THPT | 2.0 | 45.7 | 0.009 | 1.7 | 45.7 | 0.008 |
| CĐ/ĐH/SĐH | 0.3 | 40.0 | 0.001 | 0.4 | 40.0 | 0.002 |
|  | *Theo nhóm độ tuổi của chủ hộ*  |  |
| Dưới 30  | 32.5 | 47.3 | 0.154 | 24.4 | 46.4 | 0.113 |
| 30-39 | 15.8 | 46.1 | 0.073 | 14.9 | 46.1 | 0.069 |
| 40-49 | 11 | 45.2 | 0.050 | 9.3 | 45.5 | 0.042 |
| 50-59 | 8.2 | 43.7 | 0.036 | 6.4 | 44 | 0.028 |
| Từ 60 trở lên | 9.9 | 43.2 | 0.043 | 7.7 | 44.2 | 0.034 |
|  | *Theo tình trạng nghèo thu thập của hộ* |
| Không nghèo | 9.1 | 43.9 | 0.040 | 7.5 | 44.5 | 0.034 |
| Nghèo | 44.2 | 47.7 | 0.211 | 45.6 | 47.1 | 0.215 |
| **Cả nước** | **11.83** | **44.5** | **0.053** | **9.5** | **44.4** | **0.043** |

*(Nguồn: Tính toán của tác giả từ bộ dữ liệu VHLSS 2014 và 2016)*

Kết quả cho thấy tỷ lệ nghèo đa chiều của các hộ gia đình giảm khá nhanh từ 11.83% năm 2014 xuống còn 9.5% năm 2016 tuy nhiên độ sâu của nghèo giảm không đáng kể (trung bình những hộ nghèo đa chiều thiếu hụt lần lượt là 44.5%, 44.4% các chỉ báo NĐC được gia trọng). Tỷ số đếm đầu điều chỉnh hay chỉ số NĐC (MPI) giảm từ 5.3% năm 2014 xuống còn 4.3% năm 2016.

Xem xét tình trạng nghèo theo 6 vùng kinh tế của Việt Nam cho thấy NĐC tập trung ở những vùng có điều kiện khó khăn đặc biệt là các tỉnh thuộc Vùng trung du và miền núi phía Bắc là vùng có tỷ lệ nghèo cũng như độ sâu nghèo cao nhất cả nước (với tỷ lệ nghèo đếm đầu H là hơn 20% tức là vùng này có hơn 20% số hộ được xác định là nghèo đa chiều ở tất cả các chiều trong năm 2014 và giảm xuống còn 17% trong năm 2016), tiếp tiếp đến là vùng Tây Nguyên, ĐBSCL. Ngoài vùng Đồng bằng sông Hồng, nghèo đa chiều không có sự biến động qua 2 năm, các vùng khác đều có xu hướng giảm đặc biệt là vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Một điểm đáng chú ý khi phân tích, trong khi Đông Nam Bộ là trung tâm kinh tế của đất nước, vì vậy nghèo theo chuẩn đơn chiều vùng này là thấp nhất cả nước nhưng khi đánh giá nghèo theo cách tiếp cận đa chiều thì vùng này cao hơn so với Đồng bằng sông Hồng (theo công bố của TCTK trong Niên giám thống kê 2017, tỷ lệ nghèo theo chuẩn thu nhập ở vùng Đông Nam Bộ chỉ 1% trong khi đó vùng ĐBSH con số này là 4% trong năm 2014. Tỷ lệ này trong năm 2016 lần lượt là 0.6% và 2.4%). Điều này cho thấy, bên cạnh điều kiện phát triển kinh tế nhanh của vùng này trong những năm qua thì điều kiện sống của người dân của vùng này vẫn còn là điều đáng quan ngại. Điều này là do nơi đây là nơi tập trung nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất vì vậy thu hút luồng người di cư từ các vùng khác tới gây áp lực quá tải lên hệ thống cơ sở hạ tầng (giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch…) nên chưa đáp ứng đầy đủ các dịch vụ xã hội và đòi hỏi vùng cần tiếp tục đầu tư hơn nữa trong thời gian tới.

Nghèo đa chiều thường tập trung ở khu vực nông thôn nơi có gần 70% dân số Việt Nam sinh sống tại đó với chỉ số NĐC cao hơn nhiều so với khu vực thành thị. Hơn nữa, nghèo vẫn tập trung ở những người dân tộc thiểu số với tỷ lệ, độ sâu và chỉ số nghèo đa chiều cao hơn rất nhiều so với chủ hộ là người Kinh/Hoa (tỷ lệ nghèo đếm đầu, độ sâu nghèo và chỉ số nghèo đa chiều của hộ dân tộc khác lần lượt là 34.2, 46.5 và 0.159 trong năm 2014; con số này trong năm 2016 giảm đáng kể nhưng vẫn còn ở mức cao). Theo số liệu công bố của TCTK, trong khi, người dân tộc thiểu số chỉ chiếm hơn 10% dân số cả nước nhưng số hộ nghèo lại chiếm tới 50% tổng số hộ nghèo của cả nước (xét theo tiêu chí nghèo đơn chiều). Những người này thường có trình độ học vấn thấp, sống ở những vùng đặc biệt khó khăn nên rất khó khăn trong việc tiếp cận các điều kiện sống cơ bản.

Trình độ học vấn chủ hộ cũng là một yếu tố ảnh hưởng lớn tới tình trạng nghèo đa chiều của hộ. Theo số liệu tính toán cho thấy, chủ hộ có học vấn càng thấp thì tỷ lệ nghèo đếm đầu, độ sâu và chỉ số nghèo đa chiều càng cao. Theo đó, chỉ số nghèo đa chiều của chủ hộ không có bằng cấp lên tới 0.122 năm 2014 (tức là có 12.2% số hộ mà chủ hộ không có bằng cấp là nghèo đa chiều với mức độ thiếu hụt trung bình là gần một nửa số chỉ báo) và giảm xuống còn 0.099 trong năm 2016.

Xem xét theo nhóm độ tuổi của chủ hộ cho thấy, nghèo đa chiều tập trung chủ yếu vào nhóm dưới 30 tuổi và ngày càng có xu hướng gia tăng về tỷ lệ và độ sâu với tỷ lệ nghèo đếm đầu là 32.5% năm 2014 và tăng lên 46.4% năm 2016 và đây cũng là nhóm có chỉ số NĐC cao nhất. Đây là nhóm độ tuổi chưa có sự ổn định về việc làm, thu nhập vì vậy các điều kiện sống cơ bản cũng bị ảnh hưởng. Độ tuổi càng lớn thì nghèo đa chiều càng có xu hướng giảm và giảm nhanh hơn so với các nhóm độ tuổi khác. Tuy nhiên, khi xem xét mức đóng góp vào chỉ số nghèo đa chiều chung cả nước thì xu hướng này có sự thay đổi.

Xem xét giữa nghèo đa chiều với nghèo đơn chiều dựa vào thu nhập cho thấy, một hộ càng nghèo về thu nhập thì càng thiếu hụt (hay nghèo) đa chiều cả về tỷ lệ lẫn độ sâu. Kết quả cho thấy, năm 2014 có tới 21.1% số hộ vừa nghèo thu nhập vừa nghèo đa chiều thì con số này tăng thêm 0.4 điểm phần trăm trong năm 2016. Tuy nhiên, về tỷ lệ thiếu hụt số chỉ báo được gia trọng của hộ nghèo thu nhập có xu hướng không thay đổi thì những hộ không gặp phải tình trạng nghèo về thu nhập lại có xu hướng gia tăng (mặc dù không đáng kể) từ 43.9% lên 44.5%.

 Điều này càng minh chứng cho việc nghèo là hiện tượng đa chiều không phải đơn chiều. Những hộ không nghèo đơn chiều này vẫn có nguy cơ không tiếp cận được với các dịch vụ cơ bản do các yếu tố liên quan đến sự phát triển cơ sở hạ tầng nơi hộ cư trú, mặc dù họ có điều kiện về kinh tế.

*Hình 2: Chỉ số nghèo đa chiều 63 tỉnh/thành phố*

*Hình 3: Chỉ số nghèo đa chiều theo vùng*

*Hình 5: Chỉ số nghèo đa chiều theo TĐHV chủ hộ*

*Hình 4: Chỉ số nghèo đa chiều theo dân tộc chủ hộ*

*Hình 6: Chỉ số nghèo đa chiều theo khu vực*

*Mức đóng góp vào MPI chung theo từng tiêu thức*

**Bảng 5: Mức đóng góp vào MPI chung**

|  |  |
| --- | --- |
| Biểu hiện tiêu thức | Mức đóng góp (%) |
| **2014** | **2016** |
| *Theo vùng* |
| Đồng bằng sông Hồng | 2.80 | 3.35 |
| Trung du và miền núi phía Bắc | 32.69 | 33.02 |
| Bắc Trung Bộ và duyên hải NTB | 15.35 | 15.96 |
| Tây Nguyên | 12.55 | 14.09 |
| Đông Nam Bộ | 3.83 | 3.94 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 32.89 | 29.60 |
| *Theo khu vực* |
| Nông thôn | 89.73 | 91.52 |
| Thành thị | 10.27 | 8.48 |
| *Theo giới tính chủ hộ* |
| Nữ | 22.04 | 26.46 |
| Nam  | 77.96 | 73.54 |
| *Theo dân tộc chủ hộ* |
| Kinh/Hoa | 52.69 | 47.26 |
| Khác | 47.31 | 52.74 |
| *Theo từng chỉ báo* |
| Trình độ giáo dục của người lớn  | 19.61 | 19.77 |
| Tình trạng giáo dục của trẻ em  | 1.81 | 1.60 |
| Tiếp cận dịch vụ y tế  | 2.29 | 2.47 |
| BHYT  | 10.98 | 9.42 |
| Chất lượng nhà ở | 9.58 | 10.44 |
| Diện tích nhà ở bình quân đầu người | 5.98 | 6.53 |
| Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh  | 12.91 | 13.63 |
| Hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh  | 19.67 | 19.07 |
| Tiếp cận dịch vụ thông tin  | 9.13 | 7.56 |
| Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin  | 8.47 | 9.40 |
| *Theo nhóm độ tuổi của chủ hộ* |
| Dưới 30  | 12.671 | 8.620 |
| 30-39 | 25.138 | 27.137 |
| 40-49 | 25.452 | 25.577 |
| 50-59 | 17.111 | 17.620 |
| Từ 60 trở lên | 19.602 | 21.010 |

*(Nguồn: Tính toán của tác giả từ bộ dữ liệu VHLSS 2014 và 2016)*

Kết quả tính toán cho thấy vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Đồng bằng sông Cửu Long đóng góp lớn nhất vào chỉ số NĐC chung của cả nước chiếm 1/3 cho mỗi vùng, trong khi Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ là vùng đóng góp ít nhất. Điều này phản ánh chính xác trình độ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi vùng. Với những vùng có điều kiện phát triển khó khăn tình trạng nghèo cũng cao hơn các vùng có điều kiện phát triển thuận lợi. Điểm chú ý là mức đóng góp vào MPI chung của vùng Đông Nam Bộ cao hơn Đồng Bằng sông Hồng trong khi nghèo theo chuẩn nghèo thu nhập hoặc chi tiêu vùng Đông Nam Bộ thấp hơn đáng kể so với vùng Đồng bằng sông Hồng (GSO, 2018: 21). Điều này thống nhất với nghiên cứu của UNDP (2010) trong “Đánh giá nghèo đô thị ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh”.

Xét theo giới tính chủ hộ, mức đóng góp vào nghèo đa chiều chung khi chủ hộ là nam giới cao gấp 3 lần so với chủ hộ là nữ giới. Như vậy, khi đối mặt với nghèo đa chiều, chủ hộ là nam giới thường gặp khó khăn hơn so với chủ hộ là nữ. Một điểm đáng lưu ý, nếu như năm 2014 chủ hộ là người Kinh/Hoa đóng góp hơn 50% vào MPI chung của cả nước thì tình trạng này bị thay thế bởi chủ hộ là người DTTS vào năm 2016 (trong đó cơ cấu chủ hộ là người Kinh/Hoa chiếm trên 80% số hộ)

Xem xét mức đóng góp theo từng chỉ báo cho thấy, chỉ báo “Trình độ giáo dục của người lớn”, BHYT các chỉ báo liên quan đến điều kiện sống như nhà ở/nước sạch/vệ sinh, đóng góp lớn nhất vào chỉ số nghèo đa chiều chung và có xu hướng gia tăng qua 2 năm. Đặc biệt mức đóng góp vào MPI chung của các chỉ báo về “Trình độ giáo dục của người lớn”, “Chất lượng nhà ở” và “Nguồn nước hợp vệ sinh” có xu hướng ngày càng gia tăng tăng. Điều này cho thấy, bên cạnh những thành tựu trong giáo dục, y tế, tiếp cận thông tin, thì vẫn còn đó những vấn đề xã hội cần được quan tâm như nước sạch, điều kiện vệ sinh, nhà ở, chính sách BHYT dành cho người dân.

Như trên đã đề cập, tuổi của chủ hộ càng trẻ thì mức độ nghèo đa chiều càng tăng, chủ hộ càng lớn tuổi thì mức độ nghèo đa chiều càng giảm. Tuy nhiên khi xem xét mức đóng góp theo nhóm độ tuổi thì kết luận lại cho thấy chủ hộ có độ tuổi càng lớn thì đóng góp vào chỉ số nghèo đa chiều chung càng lớn đặc biệt là nhóm người già (từ 60 tuổi trở lên) và xu hướng ngày càng tăng. Một phần vì trong những năm gần đây, tình trạng già hóa dân số ở Việt Nam đang diễn ra khá mạnh mẽ vì vậy tỷ lệ người cao tuổi khá cao (chiếm khoảng gần 1/3 dân số) do đó nhóm này ngày càng gặp khó khăn về điều kiện sống.

*Hình 7: Mức đóng góp của từng chỉ báo vào MPI chung*

*Hình 8: Mức đóng góp của từng vùng vào MPI chung*

* *Phân nhóm hộ nghèo theo từng nhóm nghèo*

Theo “Đề án tổng thể chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường từ đơn chiều dựa vào thu nhập sang đa chiều áp dụng trong giai đoạn 2016-2020” (BLĐTBXH, 2015:29,30) phân loại nghèo nhóm 1 là nhóm nghèo cùng cực vừa thiếu hụt thu nhập vừa thiếu hụt đa chiều; nghèo nhóm 2 là nhóm nghèo về thu nhập nhưng không thiếu hụt đa chiều về tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (tức là không nghèo đa chiều); nghèo nhóm 3 là không nghèo về thu nhập nhưng thiếu hụt đa chiều về tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; nhóm không nghèo là nhóm không thiếu hụt thu nhập (có thu nhập bình quân đầu người trên mức sống tối thiểu) và không thiếu hụt đa chiều về tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Kết quả phân tích từ bộ dữ liệu VHLSS 2014 và 2016 cho kết quả như trong bảng dưới đây:

**Bảng 7: Phân nhóm hộ nghèo theo từng nhóm nghèo** (ĐVT: %)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nhóm nghèo | 2014 | 2016 |
| Không nghèo | 86.35 | 89.14 |
| Nghèo nhóm 1 | 2.67 | 2.14 |
| Nghèo nhóm 2 | 3.88 | 2.51 |
| Nghèo nhóm 3 | 7.11 | 6.22 |
| Tổng | **100** | **100** |

*(Nguồn: Tính toán của tác giả từ bộ dữ liệu VHLSS 2014 và 2016)*

Theo đó, nghèo ở tất cả các nhóm giảm đáng kể qua hai cuộc khảo sát và nhóm 2 là nhóm giảm nghèo nhanh nhất cả về tỷ lệ (từ 3.88% xuống còn 2.51%), đây là những hộ chỉ thiếu hụt thu nhập không thiếu hụt đa chiều. Giảm nghèo về thu nhập là một nhân tố quan trọng giúp giảm nghèo đa chiều cho hộ. Đối với nhóm hộ nghèo cùng cực, tỷ lệ của nhóm cũng ngày càng giảm dần (từ 2.67% xuống còn 2.14%). Nhóm 3 là nhóm thiếu hụt các dịch vụ cơ bản (nghèo đa chiều) là nhóm chiếm tỷ trọng lớn nhất trong số các nhóm được phân loại là nghèo, cao gần gấp đôi so với nghèo nhóm 2 và gấp 3 lần so với nghèo nhóm 1. Điều này cho thấy, nghèo đa chiều cần được quan tâm hơn trong các chính sách giảm nghèo của Chính phủ khi mà với điều kiện phát triển kinh tế ngày càng khả quan, thu nhập của người dân ngày một nâng cao thì việc xây dựng và tạo điều kiện để người dân tiếp cận được với các dịch vụ cơ bản cần được đẩy mạnh hơn nữa để giảm nghèo đa chiều trong những năm tiếp theo.

* *Tình trạng nghèo của hộ gia đình qua hai cuộc khảo sát*

Trong VHLSS có khoảng 50% số hộ được tiếp tục khảo sát trong cuộc khảo sát tiếp theo vì vậy thông tin của hộ sẽ được thu thập qua nhiều năm và trong cuộc khảo sát năm 2016 cũng vậy. Thực hiện ghép 2 bộ dữ liệu với nhau để phân tích sự biến động trong tình trạng nghèo (đơn chiều và đa chiều) của hộ gia đình cho một số kết luận đáng chú ý.

**Bảng 8: Tình trạng nghèo thu nhập và nghèo đa chiều của hộ gia đình**

|  |  |
| --- | --- |
| Nghèo thu nhập | Nghèo đa chiều |
| **2014** | **Chung** | **2016** | **Chung** |
| **Không nghèo** | **Nghèo** | **Không nghèo** | **Nghèo** |
| Không nghèo | 92.4 | 7.6 | 100 | 93.48 | 6.52 | 100 |
|  | 95.7 | 72.7 | 93.45 | 97.26 | 74.43 | 95.35 |
| Nghèo | 59.25 | 40.75 | 100 | 54.03 | 45.97 | 100 |
|  | 4.3 | 27.3 | 6.55 | 2.74 | 25.57 | 4.65 |
| Chung | 90.23 | 9.77 | 100 | 91.65 | 8.35 | 100 |
| 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |

*(Nguồn: Tính toán của tác giả từ bộ dữ liệu VHLSS 2014, 2016)*

Kết quả bảng trên cho thấy, năm 2014 trong những hộ nghèo đơn chiều thì có tới 40.75% hộ là nghèo đa chiều trong khi đó nếu một hộ trong năm 2014 là nghèo đa chiều thì tỷ lệ hộ nghèo đơn chiều chỉ là 27.3%. Con số này trong năm 2016 có xu hướng gia tăng. Trong khi đó, những hộ không thiếu hụt đơn chiều thì tỷ lệ hộ thiếu hụt đa chiều thấp và ngày càng giảm (từ 7.6% năm 2014 xuống còn 6.52% năm 2016). Điều này cho thấy một hộ nghèo đơn chiều rất dễ bị tổn thương nghèo đa chiều hơn các hộ khác. Để thấy rõ hơn sự tình trạng nghèo đơn chiều và đa chiều của hộ, tiến hành phân tích sự dịch chuyển của nghèo đơn chiều và đa chiều như trong bảng dưới đây.

**Bảng 9: Tình trạng nghèo của hộ theo thời gian**

*Đơn vị tính: %*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tình trạng nghèo | Nghèo đa chiều | Nghèo thu nhập |
| Không nghèo  | 87.14 | 91.62 |
| Tái nghèo  | 4.88 | 2.16 |
| Thoát nghèo  | 4.5 | 4.46 |
| Rơi vào nghèo  | 3.48 | 1.76 |

*(Nguồn: Tính toán của tác giả từ bộ dữ liệu VHLSS 2014 và 2016)*

Kết quả cho thấy tỷ lệ hộ thoát nghèo thu nhập và đa chiều gần như không khác biệt (khoảng 4.5%). Bên cạnh đó, tỷ lệ hộ rơi vào nghèo và tái nghèo nghèo đa chiều cao hơn nhiều so với nghèo đơn chiều (tỷ lệ hộ rơi vào nghèo đơn chiều và đa chiều lần lượt là 3.48% so với 1.76% và tỷ lệ hộ tái nghèo đa chiều gần 5% so với tỷ lệ tái nghèo đơn chiều chỉ là 2.16%, một con số chênh lệch khá lớn). Như vậy, quá trình phát triển kinh tế đã mang lại những kết quả ấn tượng trong giảm nghèo đơn chiều trong những năm qua. Tuy vậy, trên khía cạnh đa chiều, người dân vẫn chưa thực sự được hưởng lợi từ quá trình phát triển kinh tế đặc biệt là những người nghèo.

**Kết luận và kiến nghị chính sách**

Như vậy, nghèo đa chiều là một thước đo bổ sung cho nghèo đơn chiều (nghèo thu nhập hoặc chi tiêu) đang ngày càng khẳng định là một thước đo ưu việt đo lường mức độ cũng như độ sâu thiếu hụt các dịch vụ cơ bản. Tại Việt Nam theo kết quả phân tích qua bộ dữ liệu VHLSS 2014 và 2016 cho thấy, nghèo đa chiều tập trung vào nhóm đối tượng yếu thế như người dân tộc thiểu số, những người sống ở nông thôn, những người cao tuổi. Đồng thời, các chiều mà hộ gia đình thiếu hụt nhiều nhất là giáo dục và điều kiện sống. Đồng thời, tỷ lệ hộ nghèo đơn chiều giảm nhanh hơn so với nghèo đa chiều. Vì vậy Chính phủ cần nghiên cứu các giải pháp để giúp đỡ các đối tượng dễ bị tổn thương cũng như đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn thiện hơn để người dân có thể tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội từ đó giảm nghèo đa chiều bên cạnh tập trung phát triển kinh tế nâng cao thu nhập cho người dân.

Từ những vấn đề nêu trên, nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị chính sách như sau:

Thứ nhất, kết hợp đo lường nghèo theo cả hai cách tiếp cận (đơn chiều và đa chiều) để xác định chính xác người nghèo từ đó xác định đối tượng được hưởng trợ cấp từ các chính sách dành cho người nghèo của Chính phủ.

Thứ hai, tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ và hoàn thiện hơn nữa để người dân dễ dàng tiếp cận được với các dịch vụ xã hội cơ bản

Thứ ba, Chính phủ cần tiếp tục hoàn thiện chính sách đối với những đối tượng dễ bị tổn thương như trẻ em, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số về các dịch vụ giáo dục, y tế, điều kiện sống.

Thứ tư, khu vực thành thị đang chịu áp lực quá tải lên cơ sở hạ tầng do áp lực của dòng di cư từ nông thôn ra thành thị gây ra nhiều vấn đề xã hội cho khu vực này đặc biệt là tạo ra nhóm nghèo mới là nhóm người nghèo đô thị. Vì vậy, để giảm áp lực này nhà nước bằng các chính sách việc làm tạo ra nhiều cơ hội việc làm hơn nữa tại khu vực nông thôn từ đó giữ người dân ở lại khu vực này làm việc.

**Tài liệu tham khảo**

***Tiếng Việt***

BLĐTBXH (2015), *Đề án chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường từ đơn chiều dựa vào thu nhập sang đa chiều áp dụng trong giai đoạn 2016-2020*

Chính phủ (2015), *Quyết định về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020*, Số: 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, truy cập 15/4/2016 từ [www.molisa.gov.vn/vi/Pages/ChiTietVanBan.aspx?vID=34794](http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/ChiTietVanBan.aspx?vID=34794)

Niên giám thống kê (2017) truy cập tại [www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn) ngày 12/10/2018

TCTK (2016), *Kết quả khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2014*, NXB Thống kê

TCTK (2018), Kết quả khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2016, NXB Thống kê

UNDP (2010a), *Đánh giá nghèo đô thị ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh*, truy cập 18/4/2017 từ <http://www.vn.undp.org/content/dam/vietnam/docs/UNDP-in-the-News/29458_Baocao_Ngheo_Do_thi.pdf>

WB (2018), *Bước tiến mới: Giảm nghèo và thịnh vượng chung tại Việt Nam, truy cập ngày 15/11/2018 từ* <http://documents.worldbank.org/curated/en/826021522843528151/pdf/124916-WP-PUBLIC-VITENAMESE-P161323-VietnamPovertyUpdateReportVIE.pdf>

***Tiếng Anh***

Amartya Sen (1981), *Poverty and Famine: An essay on entitlement and deprivation*, NXB Clarendon Presss Oxford, truy cập 15/4/2017 từ <http://staging.ilo.org/public/libdoc/ilo/1981/81B09_608_engl.pdf>

Alkire Sabina (2007), *Choosing Dimensions: The Capability Approach and Multidimensional Poverty*, Chronic Poverty Research Centre Working Paper, No. 88, truy cập 10/4/2016 từ [https://ssrn.com/abstract=1646411](https://ssrn.com/abstract%3D1646411)

 Alkire, S., and Foster, J. (2011), *Counting and multidimensional poverty measurement*, truy cập 10//2017 từ <http://www.ophi.org.uk/wp-content/uploads/ophi-wp7.pdf>

Alkire, S. and Santos, M. E. (2013), *Measuring Acute Poverty in the Developing World: Robustness and Scope of the Multidimensional Poverty Index*, Ophi working paper No. 59, truy cập ngày 23/3/2018 từ [www.ophi.org.uk](http://www.ophi.org.uk)

Narayan Deepa and et al (2000), *Voice of the poor: Can Anyone Hear Us?* , Published by Oxford University Press, US.

Oxford Poverty and Human Development Initiative - OPHI (2018).
*Global Multidimensional Poverty Index 2018: The Most Detailed Picture To
Date of the World’s Poorest People*, University of Oxford, UK

UNDP (2011), *Human Development Report 2010, The Real Wealth of Nations: Pathways to Human Development,* accessed from<http://hdr.undp.org>

**Abstract**

Traditional approach to measure poverty is based on income, namely monetary poverty. In addition, poverty is also accessed through the social dimensions (non-monetary poverty/social poverty). Based on the method of Alkire and Foster (2007, 2011) and under the guidance of the Vietnam’s Ministry of Labor, Invalids and Social Affairs (2015), the analysis of multi-dimensional poverty of Vietnamese households was conducted by General Statistics Officier (GSO) in 2014 and 2016 through the Vietnam Household Living Standards Survey (VHLSS). The results for this dataset show that the multi-dimensional poverty of Vietnamese households has been significantly reduced from 2014 to 2016, both at the rate and at the depth of poverty indicators (multi-dimensional poverty index has decreased from 0.053 to 0.043 correspondingly). However, disadvantaged groups in society are still the groups that suffer mostly from multi-dimensional poverty. In addition, the households that have been found under unidimensional poverty (poverty singly based on income) are also the ones that are most vulnerable in the multidimensional poverty analysis. The results suggest that it is essential for the policy makers for further infrastructure investment to allow the citizens to easily access the basic social services, especially education and other living conditions. This would be the key to reduce multi-dimensional poverty in Vietnam in the coming years.

**Key words**

Undimensional poverty, dimensional poverty, multidimensional poverty index, headcount ratio, intensity of poverty

1. MPI nằm trong khoảng [0;1] [↑](#footnote-ref-1)
2. Nước có MPI ở mức thấp nếu MPI <= 0.053; MPI ở mức trung bình nếu 0.053 < MPI <= 0.283; MPI ở mức cao nếu MPI > 0.283 [↑](#footnote-ref-2)